

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **39/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/9/2022

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám
2. Ông Võ Minh Sơn

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện U M T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T: Ông Trần Ngọc Nhiều –
Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hồng K, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V H, huyện U M T, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/3/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng K trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn N tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2010 tại UBND xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống được khoảng 19 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không hiểu nhau, mỗi người một ý không ai chịu nhường ai. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm, nhưng không thành, đến tháng 11/2021 vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn N.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung. 1/ Bùi Kim Kh, sinh ngày 29/11/2004 giới tính nam; 2/ Bùi Văn H, sinh ngày 27/11/2006 giới tính nam, hiện nay các con đang sống chung với tôi. Tôi yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Hòa không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Kh đã lớn khôn theo ai người đó nuôi, tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay phía bị đơn anh Bùi Văn N, không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Bùi K N vắng mặt tại phiên tòa, không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn N là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự..

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Bùi Văn N. Đây là tranh chấp việc ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Hồng K và anh Bùi Văn N tự tìm hiểu yêu thương nhau, và sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/8/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc được khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, sống không hiểu nhau, mỗi người một ý không ai chịu nhường ai. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm, nhưng không thành, đến tháng 11/2021 vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị K là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh,

chị phải biết nhường nhịn lẫn nhau tạo điều kiện để hàn gắn gia đình, nuôi dạy con cái, nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại sống ly thân nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên cho chị K ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Anh N và chị K có 02 con chung tên Bùi Kim Kh, sinh ngày 29/11/2004 giới tính nam; và Bùi Văn H, sinh ngày 27/11/2006 giới tính nam, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Bùi Văn H cho chị K nuôi là đúng theo nguyện vọng của cháu H và phù hợp với điều 81,82 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cháu Kh đã lớn khôn, cháu Kh tự quyết định sống với ai. Chị K, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Về tố tụng: Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị K ly hôn với anh N. Về con: Giao cháu H cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu, cháu Kh đã trưởng thành theo ai người đó nuôi, chị K không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị K được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003232 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị K không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 227; 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng K.

1. Cho chị Đỗ Thị Hồng K được ly hôn với anh Bùi Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn H, sinh ngày 27/11/2006 giới tính nam cho chị Đỗ Thị Hồng K tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu. Anh Bùi Văn N có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở. Cháu Bùi Kim Kh, sinh ngày 29/11/2004 đã lớn khôn theo ai người đó nuôi, chị K, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn: Chị Đỗ Thị Hồng K phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị K được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003232 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị K không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) Bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. U M T;
- Chi cục Thi hành án DS H. U M T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi